

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/DS – ST

Ngày 25 - 9 - 2025

“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Bà Vũ Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST - DS ngày 20 tháng 2 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP PD;

Địa chỉ: Tòa nhà Hallmark số 15 Trần Bạch Đằng, phường TT nay là phường A, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh T – Giám đốc chi nhánh V

Người được ủy quyền lại:

+ Ông Trần Văn T – Chuyên viên thu hồi nợ;

+ Ông Lê Xuân T - Chuyên viên thu hồi nợ ;

+ Ông Phan Lạc M - Chuyên viên thu hồi nợ (có mặt)

Đều ở địa chỉ: Tầng 28 Tòa nhà The West số 265 phường G, thành phố H

- Bị đơn: - Ông Trịnh Ngọc T, sinh năm 1982;

- Bà Huỳnh Thị TR, sinh năm 1982;

Đều ở địa chỉ: Khu hành chính 18, phường L nay là phường V, tỉnh P (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Lạc M trình bày:

Ngày 29/6/2021, Ông Trịnh Ngọc T và bà Huỳnh Thị TR có ký với Ngân

hàng TMCP PD (viết tắt OCB) hợp đồng tín dụng số 0215/2021/HĐTD- OCB-CN để vay số tiền 730.000.000đ. Mục đích vay vốn: Vay mua bù đắp mua xe ô tô con nhãn hiệu Vinfass Lux A2.0Plus, BKS 88A- 431.45, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất vay là 8,7%/năm cố định trong 12 tháng đầu. từ tháng 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 6 tháng. Kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 29/6/2022, lãi suất vay (điều chỉnh)= Lãi suất cơ sở = biên độ tối thiểu; lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được tổng giám đốc ban hành tung thời kỳ; biên độ tối thiểu: Tối thiểu 3,9%/năm; Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn. Trả nợ gốc, lãi vào ngày 05 hàng tháng, kỳ đầu tiên là ngày 05/8/2021, mỗi kỳ trả 7.600.000đ, kỳ cuối trả 8.000.000đ. Để đảm bảo khoản vay ông T, bà TR đã ký hợp đồng thế chấp 01 xe ô tô VINFAST LUX 2.0, BKS 88A- 431.45, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 88 006399 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh V cấp ngày 25/6/2021 đứng tên ông Trịnh Ngọc T.

Thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà TR số tiền 730.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 0215.01/2021/KUNN- OCB-CN ngày 29/6/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 23/12/2021 ông T, bà TR đã trả cho Ngân hàng số tiền là 48.202.605đ, trong đó tiền gốc là 22.800.000đ, tiền lãi trong hạn là 24.447.808đ, tiền lãi quá hạn là 954.797đồng. Từ ngày 05/01/2023 ông T, bà TR vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên bị chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP PD yêu cầu ông T, bà TR phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 25/9/2025 là 1.229.901.163đ trong đó tiền gốc là 707.200.000đ, tiền lãi trong hạn là 383.965.037đ, tiền lãi quá hạn là 138.736.126đ và tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2025) ông T, bà TR còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn là 17,9%/năm trên dư nợ gốc theo thỏa thuận lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số 0215/2021/HĐTD- OCB-CN cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Về tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfass Lux A2.0Plus, BKS 88A- 431.45 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh V cấp ngày 25/6/2021 đứng tên ông Trịnh Ngọc T, Ngân hàng TMCP PD không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- *Bị đơn: Ông Trịnh Ngọc T và bà Huỳnh Thị TR vắng mặt tại phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T, bà Ông Trịnh Ngọc T và bà Huỳnh Thị TR nhưng ông T, bà TR không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của ông T, bà TR và không tiến hành hoà giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Trịnh Ngọc T và bà Huỳnh Thị TR có hộ khẩu thường trú tại: Khu hành chính 18, phường L, nay là phường V, tỉnh P. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh P.

- Về pháp luật áp dụng: Các đương sự xảy ra tranh chấp năm 2024 nên pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017; Bộ luật dân sự năm 2015; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn ông Trịnh Ngọc T và bà Huỳnh Thị TR vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Trong thời hạn giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án làm việc và không nộp tài liệu chứng cứ gì cũng như không gửi ý kiến bằng văn bản nêu quan điểm của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn nộp tại Tòa án và tài liệu do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tài liệu nguyên đơn giao nộp gồm: Hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp xe ô tô; khế ước nhận nợ; đăng ký xe ô tô; sổ hộ khẩu; căn cước công dân; giấy chứng nhận kết hôn.

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là Ngân hàng TMCP PD giao nộp Hội đồng xét xử thấy: Việc ký kết vay tiền giữa ông Trịnh Ngọc T và bà Huỳnh Thị TR với Ngân hàng TMCP PD (viết tắt OCB) được lập bằng văn bản là Hợp đồng tín dụng 0215/2021/HĐTD- OCB-CN ngày 29/6/2021. Nội dung hợp đồng thể hiện Ngân hàng đồng ý cho ông T, bà TR vay số tiền 730.000.000đ. Mục đích vay vốn: Vay mua bù đắp mua xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast Lux A2.0Plus, BKS 88A- 431.45, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất vay là 8,7%/năm cố định trong 12 tháng đầu, từ tháng 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 6 tháng, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn. Trả nợ gốc, lãi vào ngày 05 hàng tháng, kỳ đầu tiên là ngày 05/8/2021, mỗi kỳ trả 7.600.000đ, kỳ cuối trả 8.000.000đ. Để đảm bảo khoản vay ông T, bà TR đã ký hợp đồng thế chấp 01 xe ô tô VINFAST LUX 2.0, BKS 88A- 431.45, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 88 006399 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh V cấp ngày 25/6/2021 đứng tên ông Trịnh Ngọc T. Ngân hàng TMCP PD

đã giải ngân cho ông T, bà TR số tiền 730.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 0215.01/2021/KUNN- OCB-CN ngày 29/6/2021.

Căn cứ vào các tài liệu Ngân hàng TMCP PD giao nộp tại Tòa án như đã nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định giữa Ngân hàng và ông T, bà TR có xác lập hợp đồng tín dụng có thỏa thuận cụ thể về số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất. Hợp đồng tín dụng đã được hai bên tiến hành ký kết theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông T, bà TR đã trả cho Ngân hàng số tiền là 48.202.605đ, trong đó tiền gốc là 22.800.000đ, tiền lãi trong hạn là 24.447.808đ, tiền lãi quá hạn là 954.797đ. Từ ngày 05/1/2022 ông T, bà TR vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho OCB và khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn. Do ông T, bà TR vi phạm nghĩa vụ về việc trả tiền gốc, tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết với OCB nên OCB yêu cầu ông T, bà TR phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 25/9/2025 là 1.229.901.163đ trong đó tiền gốc là 707.200.000đ, tiền lãi trong hạn là 383.965.037đ, tiền lãi quá hạn là 138.736.126đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2025 Ngân hàng yêu cầu ông T, bà TR phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trên dư nợ gốc là 17,9%/năm theo hợp đồng tín dụng số 0215/2021/HĐTD- OCB-CN ngày 29/6/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Xét thấy việc yêu cầu về lãi suất nêu trên của Ngân hàng phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfass Lux A2.0Plus, BKS 88A- 431.45. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 88 006399 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh V cấp ngày 25/6/2021 đứng tên ông Trịnh Ngọc T. Do ngân hàng OCB không đề nghị Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp nêu trên trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần PD được Tòa án chấp nhận nên ông T, bà TR phải chịu án phí, Ngân hàng Thương mại cổ phần PD không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP PD

1. Buộc ông Trịnh Ngọc T và bà Huỳnh Thị TR phải trả cho Ngân hàng TMCP PD số tiền gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 25/9/2025 là 1.229.901.163đ trong đó tiền gốc là 707.200.000đ, tiền lãi trong hạn là 383.965.037đ, tiền lãi quá hạn là 138.736.126đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2025) ông T, bà TR còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn là 17,9%/năm trên dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 0215/2021/HĐTD- OCB- CN ngày 29/6/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

1.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Ngọc T và bà Huỳnh Thị TR phải chịu 48.897.034 đồng làm tròn là 48.897.000 đồng (Bốn mươi tám triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP PD số tiền tạm ứng án phí là 22.575.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0006514 ngày 31/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố V nay là Phòng thi hành án khu vực 9 - P.

1.2. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9;
- Thi hành án dân sự tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Đường